

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 (KHÓA TS NĂM 2022,2023)
TỪ NGÀY 05/05/2025 ĐẾN NGÀY 25/05/2025

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
1	Môn chung	3080080	30800802C1P 1	Tâm lý lứa tuổi và tâm lý sư phạm 12345	16	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
2	Môn chung	4122503	41225032C1P 1	Nghịệp vụ quản lý khách sạn-DL	24	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
3	Môn chung	4122503	41225032C1P 2	Nghịệp vụ quản lý khách sạn-DL	24	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
4	Môn chung	4122503	41225032C1P 3	Nghịệp vụ quản lý khách sạn-DL	24	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
5	Môn chung	4123420	41234202C1P 1	Nghịệp vụ quản lý khách sạn -DLCLC	21	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
6	Môn chung	4131553	41315532C1P 1	Nghịệp vụ quản lý khách sạn-DL	27	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
7	Môn chung	4142163	41421632C1P 1	Nghịệp vụ quản lý khách sạn-DL	7	05/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	phòng HC201
8	Môn chung	2090211	20902112C2P 1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
9	Môn chung	2090211	20902112C2P 2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
10	Môn chung	2090211	20902112C2P 3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
11	Môn chung	2090211	20902112C2P 4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
12	Môn chung	2090211	20902112C2P 5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
13	Môn chung	2090211	20902112C2P 6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
14	Môn chung	2090211	20902112C2P 7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
15	Môn chung	2090211	20902112C2P 8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
16	Môn chung	2090211	20902112C2P 9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
17	Môn chung	2090211	20902112C2P 10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
18	Môn chung	2090211	20902112C2P 11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
19	Môn chung	2090211	20902112C2P 12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
20	Môn chung	2090211	20902112C2P 13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	29	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
21	Môn chung	2090211	20902112C2P 14	Chủ nghĩa xã hội khoa học	26	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
22	Môn chung	2090212	20902122C2P 1	Chủ nghĩa xã hội khoa học -CLC	28	05/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
23	Môn chung	2090200	20902002C1P 1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	29	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
24	Môn chung	2090200	20902002C1P 2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	29	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
25	Môn chung	2090200	20902002C1P 3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	29	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
26	Môn chung	2090200	20902002C1P 4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	29	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
27	Môn chung	2090200	20902002C1P 5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	29	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
28	Môn chung	2090200	20902002C1P 6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	27	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
29	Môn chung	2090210	20902102C1P 1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam-CLC	26	06/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
30	Môn chung	3140010	31400102C2P 1	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
31	Môn chung	3140010	31400102C2P 2	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
32	Môn chung	3140010	31400102C2P 3	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
33	Môn chung	3140010	31400102C2P 4	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
34	Môn chung	3140010	31400102C2P 5	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
35	Môn chung	3140010	31400102C2P 6	Dẫn luận ngôn ngữ	30	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
36	Môn chung	3140010	31400102C2P 7	Dẫn luận ngôn ngữ	27	06/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
37	Môn chung	2120070	21200702C1P 1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
38	Môn chung	2120070	21200702C1P 2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
39	Môn chung	2120070	21200702C1P 3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
40	Môn chung	2120070	21200702C1P 4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
41	Môn chung	2120070	21200702C1P 5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
42	Môn chung	2120070	21200702C1P 6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
43	Môn chung	2120070	21200702C1P 7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
44	Môn chung	2120070	21200702C1P 8	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
45	Môn chung	2120070	21200702C1P 9	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
46	Môn chung	2120070	21200702C1P 10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
47	Môn chung	2120070	21200702C1P 11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
48	Môn chung	2120070	21200702C1P 12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
49	Môn chung	2120070	21200702C1P 13	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
50	Môn chung	2120070	21200702C1P 14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
51	Môn chung	2120070	21200702C1P 15	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	28	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
52	Môn chung	2120070	21200702C1P 16	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	33	07/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
53	Môn chung	2120070	21200702C2P 1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
54	Môn chung	2120070	21200702C2P 2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
55	Môn chung	2120070	21200702C2P 3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
56	Môn chung	2120070	21200702C2P 4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
57	Môn chung	2120070	21200702C2P 5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
58	Môn chung	2120070	21200702C2P 6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
59	Môn chung	2120070	21200702C2P 7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
60	Môn chung	2120070	21200702C2P 8	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
61	Môn chung	2120070	21200702C2P 9	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
62	Môn chung	2120070	21200702C2P 10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
63	Môn chung	2120070	21200702C2P 11	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
64	Môn chung	2120070	21200702C2P 12	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
65	Môn chung	2120070	21200702C2P 13	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
66	Môn chung	2120070	21200702C2P 14	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
67	Môn chung	2120070	21200702C2P 15	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
68	Môn chung	2120070	21200702C2P 16	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	29	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
69	Môn chung	2120080	21200802C2P 1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Lớp BS Hệ CLC	7	07/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	GHÉP PHÒNG
70	Môn chung	2120020	21200202C1P 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
71	Môn chung	2120020	21200202C1P 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
72	Môn chung	2120020	21200202C1P 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
73	Môn chung	2120020	21200202C1P 4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
74	Môn chung	2120020	21200202C1P 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
75	Môn chung	2120020	21200202C1P 6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
76	Môn chung	2120020	21200202C1P 7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
77	Môn chung	2120020	21200202C1P 8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
78	Môn chung	2120020	21200202C1P 9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
79	Môn chung	2120020	21200202C1P 10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
80	Môn chung	2120020	21200202C1P 11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
81	Môn chung	2120020	21200202C1P 12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
82	Môn chung	2120020	21200202C1P 13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
83	Môn chung	2120020	21200202C1P 14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	34	08/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
84	Môn chung	2120020	21200202C2P 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
85	Môn chung	2120020	21200202C2P 2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
86	Môn chung	2120020	21200202C2P 3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
87	Môn chung	2120020	21200202C2P 4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
88	Môn chung	2120020	21200202C2P 5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
89	Môn chung	2120020	21200202C2P 6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
90	Môn chung	2120020	21200202C2P 7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
91	Môn chung	2120020	21200202C2P 8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
92	Môn chung	2120020	21200202C2P 9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
93	Môn chung	2120020	21200202C2P 10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
94	Môn chung	2120020	21200202C2P 11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
95	Môn chung	2120020	21200202C2P 12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
96	Môn chung	2120020	21200202C2P 13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	29	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
97	Môn chung	2120020	21200202C2P 14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	35	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
98	Môn chung	2120040	21200402C2P 1	Tư tưởng Hồ Chí Minh -CLC	47	08/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
99	Môn chung	4122453	41224532C1P 1	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam-DL	27	09/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
100	Môn chung	4122453	41224532C1P 2	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam-DL	27	09/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
101	Môn chung	4122453	41224532C1P 3	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam-DL	27	09/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
102	Môn chung	4122453	41224532C1P 4	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam-DL	27	09/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
103	Môn chung	4142073	41420732C1P 1	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam-DL	22	09/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
104	Môn chung	4122493	41224932C2P 1	Điều hành tour-DL	25	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
105	Môn chung	4122493	41224932C2P 2	Điều hành tour-DL	25	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
106	Môn chung	4122493	41224932C2P 3	Điều hành tour-DL	25	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
107	Môn chung	4123410	41234102C2P 1	Điều hành Tour -DLCLC	21	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
108	Môn chung	4131563	41315632C2P 1	Điều hành Tour-DL	22	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
109	Môn chung	4142133	41421332C2P 1	Điều hành tour-DL	11	09/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
110	Môn chung	3080030	30800302C3P 1	Giáo dục học phổ thông	28	09/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
111	Môn chung	3080030	30800302C3P 2	Giáo dục học phổ thông	28	09/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
112	ANH	4110783	41107832C1P 1	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
113	ANH	4110783	41107832C1P 2	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
114	ANH	4110783	41107832C1P 3	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
115	ANH	4110783	41107832C1P 4	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
116	ANH	4110783	41107832C1P 5	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
117	ANH	4110783	41107832C1P 6	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
118	ANH	4110783	41107832C1P 7	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
119	ANH	4110783	41107832C1P 8	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
120	ANH	4110783	41107832C1P 9	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
121	ANH	4110783	41107832C1P 10	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
122	ANH	4110783	41107832C1P 11	Biên dịch 2	29	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
123	ANH	4110783	41107832C1P 12	Biên dịch 2	28	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
124	ANH	4115410	41154102C1P 2	Biên dịch 2 -TT	33	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
125	ANH	4115410	41154102C1P 1	Biên dịch 2 -TT	33	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
126	ANH	4113183	41131832C1P 1	Biên dịch 2-CLC	24	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
127	ANH	4113183	41131832C1P 2	Biên dịch 2-CLC	24	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
128	ANH	4113183	41131832C1P 3	Biên dịch 2-CLC	25	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
129	ANH	4112902	41129022C2P 1	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
130	ANH	4112902	41129022C2P 2	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
131	ANH	4112902	41129022C2P 3	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
132	ANH	4112902	41129022C2P 4	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
133	ANH	4112902	41129022C2P 5	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
134	ANH	4112902	41129022C2P 6	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
135	ANH	4112902	41129022C2P 7	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
136	ANH	4112902	41129022C2P 8	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
137	ANH	4112902	41129022C2P 9	Văn hóa Mỹ	29	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
138	ANH	4112902	41129022C2P 10	Văn hóa Mỹ	32	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
139	ANH	4112543	41125432C2P 1	Văn hóa Mỹ-CLC	34	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
140	ANH	4112543	41125432C2P 2	Văn hóa Mỹ-CLC	34	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
141	ANH	4115220	41152202C1P 1	Biên dịch 1 -TT	24	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
142	ANH	4115220	41152202C1P 2	Biên dịch 1 -TT	24	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
143	ANH	4115220	41152202C1P 3	Biên dịch 1 -TT	24	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
144	ANH	4115270	41152702C2P 1	Văn bản hành chính -TT	27	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
145	ANH	4115270	41152702C2P 2	Văn bản hành chính -TT	27	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
146	ANH	4115270	41152702C2P 3	Văn bản hành chính -TT	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
147	ANH	4111971	41119712C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
148	ANH	4111971	41119712C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
149	ANH	4111971	41119712C1P 3	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
150	ANH	4111971	41119712C1P 4	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
151	ANH	4111971	41119712C1P 5	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
152	ANH	4111971	41119712C1P 6	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
153	ANH	4111971	41119712C1P 7	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
154	ANH	4111971	41119712C1P 8	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
155	ANH	4111971	41119712C1P 9	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
156	ANH	4111971	41119712C1P 10	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
157	ANH	4111971	41119712C1P 11	Kỹ năng tiếng C1.3	30	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
158	ANH	4111971	41119712C1P 12	Kỹ năng tiếng C1.3	33	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
159	ANH	4115420	41154202C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 -TT	34	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
160	ANH	4115420	41154202C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.3 -TT	33	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
161	ANH	4113203	41132032C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.3-CLC	25	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
162	ANH	4113203	41132032C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.3-CLC	25	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
163	ANH	4113203	41132032C1P 3	Kỹ năng tiếng C1.3-CLC	24	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
164	ANH	4112792	41127922C2P 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
165	ANH	4112792	41127922C2P 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
166	ANH	4112792	41127922C2P 3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
167	ANH	4112792	41127922C2P 4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
168	ANH	4112792	41127922C2P 5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
169	ANH	4112792	41127922C2P 6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
170	ANH	4112792	41127922C2P 7	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
171	ANH	4112792	41127922C2P 8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
172	ANH	4112792	41127922C2P 9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
173	ANH	4112792	41127922C2P 10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
174	ANH	4112792	41127922C2P 11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
175	ANH	4112792	41127922C2P 12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
176	ANH	4112792	41127922C2P 13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
177	ANH	4112792	41127922C2P 14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
178	ANH	4112792	41127922C2P 15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
179	ANH	4112792	41127922C2P 16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
180	ANH	4112792	41127922C2P 17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
181	ANH	4112792	41127922C2P 18	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
182	ANH	4112792	41127922C2P 19	Phương pháp nghiên cứu khoa học	29	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
183	ANH	4111763	41117632C2P 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lớp HS Hệ CLC ghép (411279224202309)	7	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
184	ANH	4115450	41154502C1P 1	Tiếng Anh truyền thông 2 -TT	34	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
185	ANH	4115450	41154502C1P 2	Tiếng Anh truyền thông 2 -TT	34	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
186	ANH	4111901	41119012C1P 1	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
187	ANH	4111901	41119012C1P 2	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
188	ANH	4111901	41119012C1P 3	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
189	ANH	4111901	41119012C1P 4	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
190	ANH	4111901	41119012C1P 5	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
191	ANH	4111901	41119012C1P 6	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
192	ANH	4111901	41119012C1P 7	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
193	ANH	4111901	41119012C1P 8	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
194	ANH	4111901	41119012C1P 9	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
195	ANH	4111901	41119012C1P 10	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
196	ANH	4111901	41119012C1P 11	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
197	ANH	4111901	41119012C1P 12	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
198	ANH	4111901	41119012C1P 13	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
199	ANH	4111901	41119012C1P 14	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
200	ANH	4111901	41119012C1P 15	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
201	ANH	4111901	41119012C1P 16	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
202	ANH	4111901	41119012C1P 17	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
203	ANH	4111901	41119012C1P 18	Kỹ năng tiếng B2.3	29	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
204	ANH	4111901	41119012C1P 19	Kỹ năng tiếng B2.3	32	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
205	ANH	4112483	41124832C1P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 Lớp BS Hệ CLC	7	16/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	ghép phòng
206	ANH	4112922	41129222C2P 1	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng	30	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
207	ANH	4112922	41129222C2P 2	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng	30	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
208	ANH	4112922	41129222C2P 3	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng	30	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
209	ANH	4112922	41129222C2P 4	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng	29	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
210	ANH	4113243	41132432C2P 1	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng-CLC	21	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
211	ANH	4111981	41119811C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	nói
212	ANH	4111981	41119811C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB102	nói
213	ANH	4111981	41119811C1P 3	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB103	nói
214	ANH	4111981	41119811C1P 4	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB201	nói
215	ANH	4111981	41119811C1P 5	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD201	nói
216	ANH	4111981	41119811C1P 6	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD202	nói
217	ANH	4111981	41119811C1P 7	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD301	nói
218	ANH	4111981	41119811C1P 8	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD302	nói
219	ANH	4111981	41119811C1P 9	Kỹ năng tiếng C1.4	36	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA301	nói

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
220	ANH	4111981	41119811C1P 10	Kỹ năng tiếng C1.4	33	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA302	nói
221	ANH	4113213	41132131C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-CLC	38	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA101	nói
222	ANH	4113213	41132131C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-CLC	37	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA102	nói
223	ANH	4112912	41129122C1P 1	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu	27	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
224	ANH	4112912	41129122C1P 2	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu	27	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
225	ANH	4112912	41129122C1P 3	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu	26	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
226	ANH	4113223	41132232C1P 1	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu-CLC	27	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
227	ANH	4115250	41152502C1P 1	Ngôn ngữ báo chí -TT	36	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
228	ANH	4115250	41152502C1P 2	Ngôn ngữ báo chí -TT	37	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
229	ANH	4111911	41119112C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
230	ANH	4111911	41119112C2P 2	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
231	ANH	4111911	41119112C2P 3	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
232	ANH	4111911	41119112C2P 4	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
233	ANH	4111911	41119112C2P 5	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
234	ANH	4111911	41119112C2P 6	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
235	ANH	4111911	41119112C2P 7	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
236	ANH	4111911	41119112C2P 8	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
237	ANH	4111911	41119112C2P 9	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
238	ANH	4111911	41119112C2P 10	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
239	ANH	4111911	41119112C2P 11	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
240	ANH	4111911	41119112C2P 12	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
241	ANH	4111911	41119112C2P 13	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
242	ANH	4111911	41119112C2P 14	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
243	ANH	4111911	41119112C2P 15	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
244	ANH	4111911	41119112C2P 16	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
245	ANH	4111911	41119112C2P 17	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
246	ANH	4111911	41119112C2P 18	Kỹ năng tiếng B2.4	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
247	ANH	4111911	41119112C2P 19	Kỹ năng tiếng B2.4	38	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	24/05/2025
248	ANH	4112493	41124932C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 Lớp BS Hệ CLC	5	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	GIẾP PHÒNG
249	ANH	4115320	41153202C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -TT	35	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
250	ANH	4115320	41153202C2P 2	Kỹ năng tiếng B2.4 -TT	35	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
251	ANH	4112862	41128622C1P 1	Dẫn nhập ngữ dụng học tiếng Anh	26	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
252	ANH	4112862	41128622C1P 2	Dẫn nhập ngữ dụng học tiếng Anh	26	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
253	ANH	4112862	41128622C1P 3	Dẫn nhập ngữ dụng học tiếng Anh	27	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
254	ANH	4113623	41136232C2P 1	Dẫn nhập phân tích diễn ngôn	33	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
255	ANH	4113623	41136232C2P 2	Dẫn nhập phân tích diễn ngôn	33	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
256	ANH	4113793	41137932C2P 1	Dẫn nhập phân tích diễn ngôn-CLC	27	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
257	ANH	4113103	41131031C1P 1	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD401	nói
258	ANH	4113103	41131031C1P 2	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD402	nói
259	ANH	4113103	41131031C1P 3	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	nói
260	ANH	4113103	41131031C1P 4	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB102	nói
261	ANH	4113103	41131031C1P 5	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB103	nói
262	ANH	4113103	41131031C1P 6	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB201	nói
263	ANH	4113103	41131031C1P 7	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB302	nói
264	ANH	4113103	41131031C1P 8	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB303	nói

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
265	ANH	4113103	41131031C1P 9	Phiên dịch 2	35	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA302	nói
266	ANH	4113103	41131031C1P 10	Phiên dịch 2	37	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC201	nói
267	ANH	4115440	41154401C1P 1	Phiên dịch 2 -TT	33	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD301	nói
268	ANH	4115440	41154401C1P 2	Phiên dịch 2 -TT	33	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD302	nói
269	ANH	4113193	41131931C1P 1	Phiên dịch 2-CLC	38	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD201	nói
270	ANH	4113193	41131931C1P 2	Phiên dịch 2-CLC	37	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD202	nói
271	ANH CN	4123170	41231702C1P 1	Đầu nhập Ngữ âm - Âm vị học DL Lớp BS Hệ CLC	3	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA202	ghép phòng
272	ANH CN	4122653	41226532C1P 1	Đầu nhập Ngữ âm - Âm vị học TM Lớp BS hệ CLC	5	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA202	
273	ANH CN	4121712	41217122C1P 2	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)	23	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
274	ANH CN	4121712	41217122C1P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh)	27	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
275	HÀN	4122842	41228422C1P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Anh) CLC	4	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB203	
276	ANH CN	4123270	41232702C2P 1	Tiếng Anh du lịch 1 DL Lớp BS Hệ CLC	2	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	ghép phòng
277	ANH CN	4122463	41224632C2P 1	Tiếng Anh du lịch 1-DL	26	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
278	ANH CN	4122463	41224632C2P 2	Tiếng Anh du lịch 1-DL	26	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
279	ANH CN	4122463	41224632C2P 3	Tiếng Anh du lịch 1-DL	26	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
280	ANH CN	4122463	41224632C2P 4	Tiếng Anh du lịch 1-DL	27	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
281	ANH CN	4122232	41222322C1P 1	Biên dịch 2-DL	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
282	ANH CN	4122232	41222322C1P 2	Biên dịch 2-DL	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
283	ANH CN	4122232	41222322C1P 3	Biên dịch 2-DL	25	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
284	ANH CN	4123380	41233802C1P 1	Biên dịch 2-DLCLC	21	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
285	ANH CN	4121353	41213532C1P 1	Biên dịch 2-TM	25	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
286	ANH CN	4121353	41213532C1P 2	Biên dịch 2-TM	25	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
287	ANH CN	4121353	41213532C1P 3	Biên dịch 2-TM	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
288	ANH CN	4122322	41223222C1P 1	Biên dịch 2-TMCLC	19	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC503	
289	ANH CN	4122322	41223222C1P 2	Biên dịch 2-TMCLC	19	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	
290	ANH CN	4122322	41223222C1P 3	Biên dịch 2-TMCLC	19	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD501	ghép phòng
291	ANH CN	4122322	41223222C1P 4	Biên dịch 2-TMCLC	19	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
292	ANH CN	4122322	41223222C1P 5	Biên dịch 2-TMCLC	20	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
293	ANH CN	4122673	41226732C1P 1	Biên dịch 2-TMĐT	34	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
294	ANH CN	4123053	41230532C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 - DL	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
295	ANH CN	4123053	41230532C2P 2	Kỹ năng tiếng C1.3 - DL	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
296	ANH CN	4123053	41230532C2P 3	Kỹ năng tiếng C1.3 - DL	25	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
297	ANH CN	4121842	41218422C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 - TM	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
298	ANH CN	4121842	41218422C2P 2	Kỹ năng tiếng C1.3 - TM	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
299	ANH CN	4121842	41218422C2P 3	Kỹ năng tiếng C1.3 - TM	26	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
300	ANH CN	4121893	41218932C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 - TMCLC	27	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
301	ANH CN	4121893	41218932C2P 2	Kỹ năng tiếng C1.3 - TMCLC	27	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
302	ANH CN	4121893	41218932C2P 3	Kỹ năng tiếng C1.3 - TMCLC	27	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
303	ANH CN	4121893	41218932C2P 4	Kỹ năng tiếng C1.3 - TMCLC	14	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	ghép phòng 2 C1C2
304	ANH CN	4121842	41218422C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 - TMĐT	34	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
305	ANH CN	4123360	41233602C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.3 -DLCLC	21	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA503	
306	ANH CN	4122943	41229432C1P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM	29	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
307	ANH CN	4122943	41229432C1P 2	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM	29	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC503	
308	ANH CN	4122943	41229432C1P 3	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM	29	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
309	ANH CN	4122943	41229432C1P 4	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM	29	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
310	ANH CN	4122943	41229432C1P 5	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM	31	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
311	ANH CN	4123033	41230332C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 - DL	26	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
312	ANH CN	4123033	41230332C2P 2	Kỹ năng tiếng B2.3 - DL	26	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
313	ANH CN	4123033	41230332C2P 3	Kỹ năng tiếng B2.3 - DL	26	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
314	ANH CN	4123033	41230332C2P 4	Kỹ năng tiếng B2.3 - DL	28	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	
315	ANH CN	4123240	41232402C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 DL Lớp BS Hệ CLC	3	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA402	
316	ANH CN	4122953	41229532C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 - TM Lớp BS Hệ CLC	2	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	ghép phòng
317	ANH CN	4122943	41229432C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.3 - TMĐT	34	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
318	ANH CN	4122303	41223032C1P 1	Nguyên lý kế toán-TM	27	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
319	ANH CN	4122303	41223032C1P 2	Nguyên lý kế toán-TM	27	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
320	ANH CN	4122303	41223032C1P 3	Nguyên lý kế toán-TM	26	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
321	ANH CN	4121483	41214832C1P 1	Nguyên lý kế toán-TMCLC	30	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
322	ANH CN	4121483	41214832C1P 2	Nguyên lý kế toán-TMCLC	30	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
323	ANH CN	4121483	41214832C1P 3	Nguyên lý kế toán-TMCLC	31	15/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
324	ANH CN	4123560	41235602C2P 1	Marketing kỹ thuật số-TMĐT	34	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
325	ANH CN	4123400	41234002C2P 1	Ngữ dụng học TM Lớp BS Hệ CLC	5	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	ghép phòng
326	ANH CN	4123400	41234002C2P 1	Ngữ dụng học -DLCLC	26	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA101	
327	ANH CN	4120363	41203632C2P 1	Ngữ dụng học-DL	27	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB101	
328	ANH CN	4120363	41203632C2P 2	Ngữ dụng học-DL	27	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB102	
329	ANH CN	4120363	41203632C2P 3	Ngữ dụng học-DL	26	15/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB103	
330	ANH CN	4123610	41236101C1P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	36	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	nói
331	ANH CN	4123610	41236101C1P 2	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	36	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	nói
332	ANH CN	4123610	41236101C1P 3	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	36	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC504	nói
333	ANH CN	4123610	41236101C1P 4	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	36	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD501	nói
334	ANH CN	4122963	41229631C1P 1	Kỹ năng tiếng B2.4-TM Lớp BS Hệ CLC	1	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD501	ghép phòng
335	ANH CN	4123160	41231601C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4 DL Lớp BS Hệ CLC	2	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC503	ghép phòng
336	ANH CN	4122952	41229521C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	35	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC503	
337	ANH CN	4122952	41229521C2P 2	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	35	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC502	
338	ANH CN	4122952	41229521C2P 3	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	36	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC501	
339	ANH CN	4123610	41236101C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -TMĐT	37	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC504	nói
340	ANH CN	4123160	41231602C2P 1	Kỹ năng tiếng B1.4 DL Lớp BS Hệ CLC	2	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	ghép phòng
341	ANH CN	4122952	41229522C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	26	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD402	
342	ANH CN	4122952	41229522C2P 2	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	26	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD401	
343	ANH CN	4122952	41229522C2P 3	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	26	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD302	
344	ANH CN	4122952	41229522C2P 4	Kỹ năng tiếng B2.4 -DL	28	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD301	
345	ANH CN	4123610	41236102C2P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -TMĐT	37	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	viết
346	ANH CN	4123610	41236102C3P 1	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	29	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	viết
347	ANH CN	4123610	41236102C3P 2	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	29	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	viết
348	ANH CN	4123610	41236102C3P 3	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	29	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	viết
349	ANH CN	4123610	41236102C3P 4	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	29	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	viết
350	ANH CN	4123610	41236102C3P 5	Kỹ năng tiếng B2.4 -TM	28	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	viết
351	ANH CN	4122963	41229632C3P 1	Kỹ năng tiếng B2.4-TM 01 Lớp BS Hệ CLC	1	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	ghép phòng
352	ANH CN	4123070	41230701C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	1	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	ghép phòng nói
353	ANH CN	4121852	41218521C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-DL	38	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA101	nói
354	ANH CN	4121852	41218521C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-DL	38	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA102	nói

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
355	ANH CN	4121852	41218521C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	38	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	nói
356	ANH CN	4121852	41218521C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	39	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB103	nói
357	ANH CN	4121852	41218521C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TMĐT	34	20/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB201	nói
358	ANH CN	4123370	41233701C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.4 -DLCLC	21	20/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA101	nói
359	ANH CN	4121903	41219031C2P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	32	20/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA102	nói
360	ANH CN	4121903	41219031C2P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	32	20/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB102	nói
361	ANH CN	4121903	41219031C2P 3	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	31	20/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB201	nói
362	ANH CN	4123370	41233702C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4 -DLCLC	21	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	viết
363	ANH CN	4121903	41219032C1P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	24	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	viết
364	ANH CN	4121903	41219032C1P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	24	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	viết
365	ANH CN	4121903	41219032C1P 3	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	24	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	viết
366	ANH CN	4121903	41219032C1P 4	Kỹ năng tiếng C1.4-TMCLC	23	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	viết
367	ANH CN	4123070	41230702C3P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	1	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	ghép phòng viết
368	ANH CN	4121852	41218522C3P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-DL	25	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	viết
369	ANH CN	4121852	41218522C3P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-DL	25	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	viết
370	ANH CN	4121852	41218522C3P 3	Kỹ năng tiếng C1.4-DL	26	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	viết
371	ANH CN	4121852	41218522C3P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	26	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	viết
372	ANH CN	4121852	41218522C3P 2	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	26	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	viết
373	ANH CN	4121852	41218522C3P 3	Kỹ năng tiếng C1.4-TM	25	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	viết
374	ANH CN	4121852	41218522C3P 1	Kỹ năng tiếng C1.4-TMĐT	34	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	viết
375	ANH CN	4122763	41227632C1P 1	Lý thuyết dịch TM Lớp BS Hệ CLC	2	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	ghép phòng
376	ANH CN	4122202	41222022C1P 1	Lý thuyết dịch-DL	27	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA101	
377	ANH CN	4122202	41222022C1P 2	Lý thuyết dịch-DL	27	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
378	ANH CN	4122202	41222022C1P 3	Lý thuyết dịch-DL	26	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB101	
379	ANH CN	4122202	41222022C1P 1	Lý thuyết dịch-TM	30	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB102	
380	ANH CN	4122202	41222022C1P 2	Lý thuyết dịch-TM	30	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB103	
381	ANH CN	4122202	41222022C1P 3	Lý thuyết dịch-TM	30	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
382	ANH CN	4122202	41222022C1P 4	Lý thuyết dịch-TM	30	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
383	ANH CN	4122202	41222022C1P 1	Lý thuyết dịch-TMĐT	39	21/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	phòng lớn HC
384	ANH CN	4121913	41219132C2P 1	Tiếng Anh thương mại 1 TM Lớp BS Hệ CLC	2	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	ghép phòng
385	ANH CN	4122192	41221922C2P 1	Tiếng Anh thương mại 1-TM	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
386	ANH CN	4122192	41221922C2P 2	Tiếng Anh thương mại 1-TM	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	
387	ANH CN	4122192	41221922C2P 3	Tiếng Anh thương mại 1-TM	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
388	ANH CN	4122192	41221922C2P 4	Tiếng Anh thương mại 1-TM	29	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC503	
389	ANH CN	4122192	41221922C2P 5	Tiếng Anh thương mại 1-TM	31	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
390	ANH CN	4122192	41221922C2P 1	Tiếng Anh thương mại 1-TMĐT	34	21/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC303	
391	ANH CN	4120343	41203432C1P 1	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TM	23	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
392	ANH CN	4120343	41203432C1P 2	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TM	23	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
393	ANH CN	4120343	41203432C1P 3	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TM	24	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
394	ANH CN	4122043	41220432C1P 1	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TMCLC	29	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
395	ANH CN	4122043	41220432C1P 2	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TMCLC	29	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC503	
396	ANH CN	4122043	41220432C1P 3	Kinh doanh xuất nhập khẩu-TMCLC	30	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC504	
397	ANH CN	4123570	41235702C1P 1	Quản trị Quan hệ khách hàng-TMĐT	34	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC501	
398	ANH CN	4123460	41234602C2P 1	Giao tiếp liên văn hóa -TMCLC	31	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB501	
399	ANH CN	4123460	41234602C2P 2	Giao tiếp liên văn hóa -TMCLC	31	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB502	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
400	ANH CN	4123460	41234602C2P 3	Giao tiếp liên văn hóa -TMCLC	31	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
401	ANH CN	4123540	41235402C2P 1	Giao tiếp liên văn hóa-TM	26	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
402	ANH CN	4123540	41235402C2P 2	Giao tiếp liên văn hóa-TM	26	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
403	ANH CN	4123540	41235402C2P 3	Giao tiếp liên văn hóa-TM	26	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC502	
404	ANH CN	4123540	41235402C2P 1	Giao tiếp liên văn hóa-TMĐT	34	22/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
405	ANH CN	4122332	41223321C1P 1	Phiên dịch 2-DL	38	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC501	nói
406	ANH CN	4122332	41223321C1P 2	Phiên dịch 2-DL	39	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	nói
407	ANH CN	4122332	41223321C1P 1	Phiên dịch 2-TM	39	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	nói
408	ANH CN	4122332	41223321C1P 2	Phiên dịch 2-TM	39	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB503	nói
409	ANH CN	4122332	41223321C1P 1	Phiên dịch 2-TMĐT	34	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA501	nói
410	ANH CN	4123390	41233901C2P 1	Phiên dịch 2 -DLCLC	21	24/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB201	nói
411	ANH CN	4122293	41222931C2P 1	Phiên dịch 2-CLC	32	24/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA102	nói
412	ANH CN	4122293	41222931C2P 2	Phiên dịch 2-CLC	32	24/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB102	nói
413	ANH CN	4122293	41222931C2P 3	Phiên dịch 2-CLC	31	24/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB103	nói
414	PHÁP	4130552	41305522C3P 1	Văn minh Pháp và cộng đồng Pháp ngữ-CNP	22	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
415	PHÁP	4130552	41305522C3P 2	Văn minh Pháp và cộng đồng Pháp ngữ-CNP	22	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
416	PHÁP	4130552	41305522C3P 3	Văn minh Pháp và cộng đồng Pháp ngữ-CNP	22	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	
417	PHÁP	4131502	41315022C4P 1	Độc – Viết nâng cao 2	23	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD301	
418	PHÁP	4131502	41315022C4P 2	Độc – Viết nâng cao 2	23	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
419	PHÁP	4131502	41315022C4P 3	Độc – Viết nâng cao 2	22	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
420	PHÁP	4131132	41311322C3P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Pháp)	25	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
421	PHÁP	4130212	41302122C3P 1	Văn hóa Pháp	21	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
422	PHÁP	4130212	41302122C3P 2	Văn hóa Pháp	21	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
423	PHÁP	4130212	41302122C3P 3	Văn hóa Pháp	21	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
424	PHÁP	4130773	41307732C4P 1	Lý thuyết dịch-CN	24	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
425	PHÁP	4131613	41316131C1P 1	Phiên dịch 2	24	16/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA303	NÓI
426	PHÁP	4131432	41314322C3P 1	Tiếng Pháp 4A	28	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
427	PHÁP	4131432	41314322C3P 2	Tiếng Pháp 4A	29	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
428	PHÁP	4131603	41316032C4P 1	Biên dịch 2-CNP	24	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	
429	PHÁP	4131442	41314421C2P 1	Tiếng Pháp 4B	28	21/05/2025	1C2	13 giờ 30	HD501	
430	PHÁP	4131442	41314421C2P 2	Tiếng Pháp 4B	29	21/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA501	
431	PHÁP	4131492	41314921C1P 1	Nghe – Nói nâng cao 2	23	22/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB101	
432	PHÁP	4131492	41314921C1P 2	Nghe – Nói nâng cao 2	23	22/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB102	
433	PHÁP	4131492	41314921C1P 3	Nghe – Nói nâng cao 2	24	22/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB103	
434	NGA	4140142	41401422C3P 1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	20	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA102	
435	NGA	4140142	41401422C3P 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	19	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA101	
436	NGA	4141092	41410922C4P 1	Đất nước học Nga	20	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA101	
437	NGA	4141092	41410922C4P 2	Đất nước học Nga	19	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
438	NGA	4141723	41417232C4P 1	Đất nước học Nga	1	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	ghép phòng
439	NGA	4140492	41404922C1P 1	Văn học Nga thế kỷ 20-CN	18	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
440	NGA	4142023	41420232C2P 1	Viết 6-CN	17	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
441	NGA	4141693	41416931C2P 1	Nghe - Nói 4-CN	20	14/05/2025	1C2	13 giờ 30	HD202	
442	NGA	4141693	41416931C2P 2	Nghe - Nói 4-CN	21	14/05/2025	1C2	13 giờ 30	HD301	
443	NGA	4141783	41417832C1P 1	Dịch thực hành 2-DL	16	14/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
444	NGA	4141703	41417032C2P 1	Độc - Viết 4	20	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
445	NGA	4141703	41417032C2P 2	Độc - Viết 4	21	14/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
446	NGA	4140513	41405131C2P 1	Dịch nói 1-CN	20	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HD501	
447	NGA	4142013	41420132C1P 1	Độc 6-CN	18	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
448	NGA	4142083	41420832C1P 1	Tiếng Nga du lịch 2-DL	18	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
449	NGA	4141813	41418132C2P 1	Độc - Viết 6-DL	12	19/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
450	NGA	4141993	41419932C2P 1	Nghe 6-CN	17	19/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
451	NGA	4141803	41418031C1P 1	Nghe - Nói 6-DL	10	21/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC301	
452	NGA	4142003	41420031C1P 1	Nói 6-CN	16	21/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC401	
453	NGA	4140503	41405032C3P 1	Dịch viết 1-CN	21	23/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB101	
454	NGA	4140332	41403322C4P 1	Văn hóa Nga-DL	14	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB101	
455	TRUNG	4150672	41506722C3P 6	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
456	TRUNG	4150672	41506722C3P 5	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
457	TRUNG	4150672	41506722C3P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	
458	TRUNG	4150672	41506722C3P 13	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
459	TRUNG	4150672	41506722C3P 14	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	31	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
460	TRUNG	4150672	41506722C3P 3	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
461	TRUNG	4150672	41506722C3P 8	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
462	TRUNG	4150672	41506722C3P 7	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
463	TRUNG	4150672	41506722C3P 2	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
464	TRUNG	4150672	41506722C3P 9	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
465	TRUNG	4150672	41506722C3P 11	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
466	TRUNG	4150672	41506722C3P 12	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
467	TRUNG	4150672	41506722C3P 10	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	
468	TRUNG	4150672	41506722C3P 4	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung)	29	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	
469	TRUNG	4152022	41520222C3P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Trung) Lớp BS Hệ CLC	17	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
470	TRUNG	4152012	41520122C4P 1	Ngoại ngữ II.1 (Tiếng Trung) Lớp BS Hệ CLC	10	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
471	TRUNG	4153840	41538402C4P 1	Ngoại ngữ II.3 (Trung)	37	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
472	TRUNG	4155070	41550702C4P 1	Quản trị marketing	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC504	
473	TRUNG	4155070	41550702C4P 2	Quản trị marketing	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
474	TRUNG	4155070	41550702C4P 3	Quản trị marketing	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA503	
475	TRUNG	4155070	41550702C4P 4	Quản trị marketing	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
476	TRUNG	4155090	41550902C4P 1	Quản trị marketing CLC	13	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
477	TRUNG	4154190	41541901C1P 1	Giao tiếp Văn phòng	31	15/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	nói
478	TRUNG	4154190	41541901C1P 2	Giao tiếp Văn phòng	31	15/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	nói
479	TRUNG	4153622	41536222C3P 1	Ngữ pháp tiếng Trung 2	28	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC502	
480	TRUNG	4153622	41536222C3P 2	Ngữ pháp tiếng Trung 2	28	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
481	TRUNG	4153622	41536222C3P 3	Ngữ pháp tiếng Trung 2	28	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
482	TRUNG	4153622	41536222C3P 4	Ngữ pháp tiếng Trung 2	28	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
483	TRUNG	4153622	41536222C3P 5	Ngữ pháp tiếng Trung 2	30	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
484	TRUNG	4153203	41532032C3P 1	Ngữ pháp tiếng Trung 2-CLC	13	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
485	TRUNG	4154390	41543902C4P 1	Viết trung cấp	28	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA502	
486	TRUNG	4154390	41543902C4P 2	Viết trung cấp	28	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA503	
487	TRUNG	4154390	41543902C4P 3	Viết trung cấp	28	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
488	TRUNG	4154390	41543902C4P 4	Viết trung cấp	28	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC502	
489	TRUNG	4154390	41543902C4P 5	Viết trung cấp	28	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
490	TRUNG	4154400	41544002C4P 1	Viết trung cấp-CLC	13	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	
491	TRUNG	4154150	41541502C3P 1	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
492	TRUNG	4154150	41541502C3P 2	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
493	TRUNG	4154150	41541502C3P 3	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
494	TRUNG	4154150	41541502C3P 4	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
495	TRUNG	4154150	41541502C3P 5	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	
496	TRUNG	4154150	41541502C3P 6	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	
497	TRUNG	4154150	41541502C3P 7	Tiếng Trung cơ sở 4	26	17/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
498	TRUNG	4150482	41504822C4P 1	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB201	
499	TRUNG	4150482	41504822C4P 2	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD201	
500	TRUNG	4150482	41504822C4P 3	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD202	
501	TRUNG	4150482	41504822C4P 4	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD301	
502	TRUNG	4150482	41504822C4P 5	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
503	TRUNG	4150482	41504822C4P 6	Đất nước học Trung Quốc	28	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
504	TRUNG	4150482	41504822C4P 7	Đất nước học Trung Quốc	20	17/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	ghép phòng lớn
505	TRUNG	4154770	41547702C1P 1	Kinh doanh quốc tế	28	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
506	TRUNG	4154770	41547702C1P 2	Kinh doanh quốc tế	28	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
507	TRUNG	4154770	41547702C1P 3	Kinh doanh quốc tế	28	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
508	TRUNG	4154770	41547702C1P 4	Kinh doanh quốc tế	27	20/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
509	TRUNG	4155050	41550502C2P 1	Biên dịch thương mại-TMTC	26	20/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA301	
510	TRUNG	4155050	41550502C2P 2	Biên dịch thương mại-TMTC	26	20/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA302	
511	TRUNG	4155050	41550502C2P 3	Biên dịch thương mại-TMTC	25	20/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
512	TRUNG	4154250	41542502C3P 1	Độc trung cấp	29	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
513	TRUNG	4154250	41542502C3P 2	Độc trung cấp	29	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	
514	TRUNG	4154250	41542502C3P 3	Độc trung cấp	29	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
515	TRUNG	4154250	41542502C3P 4	Độc trung cấp	29	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
516	TRUNG	4154250	41542502C3P 5	Độc trung cấp	29	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
517	TRUNG	4154250	41542502C3P 6	Độc trung cấp	31	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
518	TRUNG	4153093	41530932C4P 1	Nghe 4 CLC	1	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	ghép nghe cao cấp
519	TRUNG	4154170	41541702C4P 1	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
520	TRUNG	4154170	41541702C4P 2	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
521	TRUNG	4154170	41541702C4P 3	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
522	TRUNG	4154170	41541702C4P 4	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
523	TRUNG	4154170	41541702C4P 5	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
524	TRUNG	4154170	41541702C4P 6	Nghe cao cấp	26	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA503	
525	TRUNG	4154170	41541702C4P 7	Nghe cao cấp	27	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
526	QTH	4160083	41600832C3P 1	Kinh tế học quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA501	
527	QTH	4160083	41600832C3P 2	Kinh tế học quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB501	
528	QTH	4160083	41600832C3P 3	Kinh tế học quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB502	
529	QTH	4160083	41600832C3P 4	Kinh tế học quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
530	QTH	4160083	41600832C3P 5	Kinh tế học quốc tế-QTH	26	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC503	
531	QTH	4163503	41635032C3P 1	Kinh tế khu vực Đông Bắc Á-DPH	22	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
532	QTH	4163503	41635032C3P 2	Kinh tế khu vực Đông Bắc Á-DPH	23	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
533	QTH	4164520	41645202C3P 1	Kinh tế khu vực Đông Bắc Á-DPHCLC	20	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
534	QTH	4163163	41631632C4P 1	Luật quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
535	QTH	4163163	41631632C4P 2	Luật quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
536	QTH	4163163	41631632C4P 3	Luật quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
537	QTH	4163163	41631632C4P 4	Luật quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
538	QTH	4163163	41631632C4P 5	Luật quốc tế-QTH	25	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC504	
539	QTH	4163513	41635132C4P 1	Thế chế chính trị các nước Đông Bắc Á-DPH	24	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	
540	QTH	4163513	41635132C4P 2	Thế chế chính trị các nước Đông Bắc Á-DPH	24	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	
541	QTH	4164540	41645402C4P 1	Thế chế chính trị các nước Đông Bắc Á-DPHCLC	19	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
542	QTH	4168120	41681202C1P 1	Viết luận chuyên ngành-QTH	28	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
543	QTH	4168120	41681202C1P 2	Viết luận chuyên ngành-QTH	28	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
544	QTH	4168120	41681202C1P 3	Viết luận chuyên ngành-QTH	29	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
545	QTH	4164810	41648102C1P 1	Viết luận chuyên ngành-QTHCLC	22	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA301	
546	QTH	4163302	41633022C1P 1	Viết luận tiếng Anh	1	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	ghép phòng QTH
547	QTH	4168190	41681902C2P 1	Lịch sử Nhật Bản-DPHCLC	20	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC402	exams
548	QTH	4162303	41623032C2P 1	Lịch sử và văn hóa Nhật Bản-DPH	44	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC401	exams
549	QTH	4163172	41631722C3P 1	Khu vực học đại cương-QTH	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA401	exams
550	QTH	4163172	41631722C3P 2	Khu vực học đại cương-QTH	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA402	exams
551	QTH	4163172	41631722C3P 3	Khu vực học đại cương-QTH	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA403	exams
552	QTH	4163172	41631722C3P 1	Khu vực học đại cương-QTH	45	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC401	exams
553	QTH	4163263	41632632C4P 1	Ngoại giao văn hóa-DPH	40	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC401	exams
554	QTH	4163263	41632632C4P 1	Ngoại giao văn hóa-QTH	26	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA401	exams
555	QTH	4163263	41632632C4P 2	Ngoại giao văn hóa-QTH	26	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA402	exams
556	QTH	4163263	41632632C4P 3	Ngoại giao văn hóa-QTH	27	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA403	exams
557	QTH	4163773	41637732C4P 1	Ngoại giao văn hóa-QTHCLC	21	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC402	exams
558	QTH	4161863	41618632C3P 1	Lịch sử, văn hoá và chính trị Châu Âu-QTH	31	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC401	lms3
559	QTH	4161863	41618632C3P 2	Lịch sử, văn hoá và chính trị Châu Âu-QTH	26	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA401	lms3
560	QTH	4162813	41628132C3P 1	Lịch sử, văn hóa và chính trị Châu Âu-QTHCLC	21	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA402	lms3
561	QTH	4163383	41633832C4P 1	Kinh tế học phát triển	26	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD401	
562	QTH	4168060	41680602C4P 1	Tiếng Anh chuyên ngành-DPH	24	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA401	lms3
563	QTH	4168060	41680602C4P 2	Tiếng Anh chuyên ngành-DPH	24	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA402	lms3
564	QTH	4168060	41680602C4P 3	Tiếng Anh chuyên ngành-DPH	23	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA403	lms3
565	QTH	4162943	41629432C3P 1	Luật biển quốc tế-QTHCLC	20	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
566	QTH	4160143	41601432C3P 1	Thống kê xã hội học-DPH	34	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
567	QTH	4160143	41601432C3P 2	Thống kê xã hội học-DPH	34	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
568	QTH	4161633	41616332C3P 1	Tiếng Việt thương mại-TV	7	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB203	thi tại phòng thí nghiệm
569	QTH	4160413	41604132C4P 1	Thế chế chính trị thế giới-QTH	25	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
570	QTH	4160413	41604132C4P 2	Thế chế chính trị thế giới-QTH	25	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB502	
571	QTH	4160413	41604132C4P 3	Thế chế chính trị thế giới-QTH	25	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
572	QTH	4160413	41604132C4P 4	Thế chế chính trị thế giới-QTH	25	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC504	
573	QTH	4160413	41604132C4P 5	Thế chế chính trị thế giới-QTH	27	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
574	QTH	4168080	41680802C3P 1	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA502	
575	QTH	4168080	41680802C3P 2	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
576	QTH	4168080	41680802C3P 3	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
577	QTH	4168080	41680802C3P 4	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB503	
578	QTH	4168080	41680802C3P 5	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
579	QTH	4168080	41680802C3P 6	Tâm lý học xã hội	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD301	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
580	QTH	4168080	41680802C3P 7	Tâm lý học xã hội	30	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
581	QTH	4163243	41632432C4P 1	Chính sách đối ngoại Việt Nam-QTH	27	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
582	QTH	4163243	41632432C4P 2	Chính sách đối ngoại Việt Nam-QTH	27	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD301	
583	QTH	4163243	41632432C4P 3	Chính sách đối ngoại Việt Nam-QTH	27	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
584	QTH	4163753	41637532C4P 1	Chính sách đối ngoại Việt Nam-QTHCLC	21	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
585	QTH	4161543	41615432C4P 1	Văn hoá bản địa miền Trung -DPH	47	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
586	QTH	4168100	41681001C2P 1	Phiên dịch chuyên ngành-DPH	22	22/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC502	nói
587	QTH	4168100	41681001C2P 2	Phiên dịch chuyên ngành-DPH	21	22/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA502	nói
588	QTH	4164580	41645801C2P 1	Phiên dịch chuyên ngành-DPHCLC	19	22/05/2025	1C2	13 giờ 30	HC501	nói
589	QTH	4161103	41611031C2P 1	Phiên dịch tiếng Anh	1	22/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA502	ghép phiên dịch CN
590	QTH	4163273	41632732C3P 1	Nghiệp vụ công tác đối ngoại-QTH	24	23/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA402	exams
591	QTH	4163273	41632732C3P 2	Nghiệp vụ công tác đối ngoại-QTH	25	23/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA401	exams
592	QTH	4163783	41637832C3P 1	Nghiệp vụ công tác đối ngoại-QTHCLC	28	23/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC401	exams
593	QTH	4168070	41680702C4P 1	Biên dịch chuyên ngành-QTH	24	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
594	QTH	4168070	41680702C4P 2	Biên dịch chuyên ngành-QTH	24	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
595	QTH	4168070	41680702C4P 3	Biên dịch chuyên ngành-QTH	24	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
596	QTH	4168070	41680702C4P 4	Biên dịch chuyên ngành-QTH	24	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC504	
597	QTH	4168070	41680702C4P 5	Biên dịch chuyên ngành-QTH	25	23/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
598	NHẬT	4170223	41702232C3P 1	Đất nước học	19	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
599	NHẬT	4170223	41702232C3P 2	Đất nước học	19	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
600	NHẬT	4172173	41721732C3P 1	Đất nước học-JCLC	17	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD302	
601	NHẬT	4173730	41737302C3P 1	Tiếng Nhật Báo chí - Truyền thông	40	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	
602	NHẬT	4173880	41738802C3P 1	Tiếng Nhật Báo chí - Truyền thông Lớp BS Hệ CLC	1	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	ghép phòng
603	NHẬT	4173390	41733902C4P 1	Biên dịch Thương mại -JTM	30	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
604	NHẬT	4170293	41702932C4P 1	Dịch viết 2	20	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
605	NHẬT	4170293	41702932C4P 2	Dịch viết 2	20	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
606	NHẬT	4170293	41702932C4P 3	Dịch viết 2	21	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB303	
607	NHẬT	4173350	41733502C4P 1	Tiếng Nhật Thương mại BJT1-JTM	37	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
608	NHẬT	4170472	41704722C3P 2	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Nhật)	20	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA102	
609	NHẬT	4170472	41704722C3P 3	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Nhật)	19	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
610	NHẬT	4170472	41704722C3P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Nhật)	20	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA101	
611	NHẬT	4171912	41719122C3P 1	Ngoại ngữ II.2 (Tiếng Nhật) Lớp BS Hệ CLC Ghép (417047224202302)	8	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	ghép phòng
612	NHẬT	4170373	41703732C3P 1	Ngữ âm học tiếng Nhật	16	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB102	
613	NHẬT	4170373	41703732C3P 2	Ngữ âm học tiếng Nhật	17	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB103	
614	NHẬT	4173410	41734102C4P 1	Quản trị Kinh doanh Nhật Bản-JTM	15	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA101	
615	NHẬT	4173410	41734102C4P 2	Quản trị Kinh doanh Nhật Bản-JTM	15	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
616	NHẬT	4170133	41701332C3P 1	Ngôn ngữ đối chiếu	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
617	NHẬT	4170133	41701332C3P 2	Ngôn ngữ đối chiếu	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
618	NHẬT	4170133	41701332C3P 3	Ngôn ngữ đối chiếu	25	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
619	NHẬT	4170133	41701332C3P 4	Ngôn ngữ đối chiếu	24	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
620	NHẬT	4172133	41721332C3P 1	Ngôn ngữ đối chiếu Lớp BS Hệ CLC	1	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	ghép phòng
621	NHẬT	4171593	41715932C3P 1	Sơ lược văn học Nhật Bản	22	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	ghép phòng NCT
622	NHẬT	4171593	41715932C3P 2	Sơ lược văn học Nhật Bản	22	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
623	NHẬT	4174850	41748502C3P 1	Sơ lược văn học Nhật Bản CNJCLC	17	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC502	
624	NHẬT	4174700	41747002C4P 1	Biên dịch 2-CNJCLC	16	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA202	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
625	NHẬT	4173270	41732702C4P 1	Độc 4	25	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	
626	NHẬT	4173270	41732702C4P 2	Độc 4	25	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC502	
627	NHẬT	4173270	41732702C4P 3	Độc 4	25	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC503	
628	NHẬT	4173270	41732702C4P 4	Độc 4	25	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	
629	NHẬT	4171873	41718732C4P 1	Ngữ pháp tiếng Nhật	37	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
630	NHẬT	4173860	41738602C4P 1	Tiếng Nhật 4C Lớp BS Hệ CLC	2	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA501	ghép phòng
631	NHẬT	4170143	41701432C3P 1	Nghe 4	25	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
632	NHẬT	4170143	41701432C3P 2	Nghe 4	25	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
633	NHẬT	4170143	41701432C3P 3	Nghe 4	25	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
634	NHẬT	4170143	41701432C3P 4	Nghe 4	24	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
635	NHẬT	4173830	41738302C3P 1	Tiếng Nhật 4A Lớp BS Hệ CLC	2	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	ghép phòng
636	NHẬT	4173850	41738502C4P 1	Tiếng Nhật 4D Lớp BS Hệ CLC	2	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	ghép phòng
637	NHẬT	4172883	41728832C4P 1	Viết 4	27	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
638	NHẬT	4172883	41728832C4P 2	Viết 4	27	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB302	
639	NHẬT	4172883	41728832C4P 3	Viết 4	27	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB501	
640	NHẬT	4172883	41728832C4P 4	Viết 4	27	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB503	
641	NHẬT	4174720	41747201C1P 1	Phiên dịch 2-CNJCLC	16	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB303	
642	NHẬT	4173380	41733801C1P 1	Phiên dịch Thương mại -JTM	30	19/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB302	
643	NHẬT	4170253	41702532C1P 1	Lý thuyết dịch	25	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC502	
644	NHẬT	4170253	41702532C1P 2	Lý thuyết dịch	25	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB501	
645	NHẬT	4170253	41702532C1P 3	Lý thuyết dịch	25	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB502	
646	NHẬT	4170253	41702532C1P 4	Lý thuyết dịch	24	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	
647	NHẬT	4172053	41720532C1P 1	Lý thuyết dịch Lớp BS Hệ CLC	1	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB503	ghép phòng
648	NHẬT	4170233	41702332C2P 1	Nghe tin tức	27	19/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB503	
649	NHẬT	4174830	41748302C3P 1	Tiếng Nhật Công nghệ Thông tin	22	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	
650	NHẬT	4174830	41748302C3P 2	Tiếng Nhật Công nghệ Thông tin	21	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	ghép phòng
651	NHẬT	4170323	41703232C4P 1	Tiếng Nhật du lịch	22	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
652	NHẬT	4170323	41703232C4P 2	Tiếng Nhật du lịch	21	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	ghép phòng
653	NHẬT	4170363	41703632C1P 1	Từ vựng học tiếng Nhật	36	22/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
654	NHẬT	4173280	41732801C1P 1	Nói 4	25	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA502	đi phòng chiếu
655	NHẬT	4173280	41732801C1P 2	Nói 4	25	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA502	đi phòng chiếu
656	NHẬT	4173280	41732801C1P 3	Nói 4	25	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA503	đi phòng chiếu
657	NHẬT	4173280	41732801C1P 4	Nói 4	24	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HA503	đi phòng chiếu
658	NHẬT	4172343	41723432C1P 1	Nghịệp vụ thư ký văn phòng-JCLC	17	23/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA102	
659	NHẬT	4173840	41738402C2P 1	Tiếng Nhật 4B Lớp BS Hệ CLC	2	23/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	NÓI
660	NHẬT	4174250	41742502C2P 1	Tiếng Nhật tổng hợp C1-CNJCLC	16	23/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA102	
661	NHẬT	4170273	41702731C1P 1	Dịch nói 2	30	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD501	đi phòng chiếu
662	NHẬT	4170273	41702731C1P 2	Dịch nói 2	31	24/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD501	ghép phòng
663	SPNN	4191163	41911631C1P 1	Độc – Viết nâng cao 2	13	12/05/2025	1C1	7 giờ 30	HB503	
664	SPNN	4190243	41902432C1P 1	Độc 4	12	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA501	
665	SPNN	4198160	41981602C1P 1	Kỹ năng tiếng Anh C1.3	22	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA502	
666	SPNN	4198160	41981602C1P 2	Kỹ năng tiếng Anh C1.3	22	12/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA503	
667	SPNN	4190782	41907822C2P 1	Dẫn nhập ngôn ngữ học đối chiếu	12	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA502	
668	SPNN	4190113	41901132C2P 1	Độc 2	17	12/05/2025	2C2	9 giờ 30	HA501	
669	SPNN	4191153	41911531C2P 1	Nghe – Nói nâng cao 2	13	14/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA101	

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
670	SPNN	4190313	41903131C2P 1	Phiên dịch 1	13	14/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA103	
671	SPNN	4191500	41915002C3P 1	Thực hành Biên phiên dịch 1	26	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA102	
672	SPNN	4190143	41901432C3P 1	Tiếng Trung tổng hợp 4	17	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB103	
673	SPNN	4191053	41910532C3P 1	Văn hoá Pháp	17	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
674	SPNN	4190672	41906722C4P 1	Văn hóa Anh	26	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
675	SPNN	4190163	41901632C4P 1	Văn hóa Trung Quốc	17	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD201	
676	SPNN	4198170	41981701C2P 1	Kỹ năng tiếng Anh C1.4	22	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB101	nói
677	SPNN	4198170	41981701C2P 2	Kỹ năng tiếng Anh C1.4	22	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB102	nói
678	SPNN	4190133	41901331C2P 1	Nói 3	17	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA103	
679	SPNN	4191063	41910631C2P 1	Tiếng Pháp 4A	16	16/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA203	
680	SPNN	4190772	41907722C2P 1	Dẫn nhập ngữ pháp chức năng	24	16/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
681	SPNN	4190283	41902832C3P 1	Từ vựng tiếng Trung Quốc	12	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB103	
682	SPNN	4191480	41914802C4P 1	Kỹ năng tiếng Anh B2.3	26	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
683	SPNN	4191173	41911732C4P 1	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1	12	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD301	
684	SPNN	4198240	41982402C4P 1	Viết 1	12	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD202	
685	SPNN	4191490	41914901C2P 1	Kỹ năng tiếng Anh B2.4	26	19/05/2025	1C2	13 giờ 30	HA103	nói
686	SPNN	4191073	41910731C2P 1	Tiếng Pháp 4B	16	19/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB101	nói
687	SPNN	4198190	41981902C3P 1	Thực hành Biên phiên dịch 2	23	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA301	
688	SPNN	4198190	41981902C3P 2	Thực hành Biên phiên dịch 2	23	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
689	SPNN	4190253	41902532C3P 1	Tiếng Trung tổng hợp 6	12	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
690	SPNN	4190123	41901232C4P 1	Nghe 3	17	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
691	SPNN	4190273	41902732C4P 1	Ngữ pháp tiếng Trung 2	12	19/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD201	
692	HÀN	4210663	42106632C1P 1	Độc 4	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
693	HÀN	4210663	42106632C1P 2	Độc 4	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
694	HÀN	4210663	42106632C1P 3	Độc 4	26	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB201	
695	HÀN	4210663	42106632C1P 4	Độc 4	27	13/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC201	
696	HÀN	4210643	42106432C2P 1	Nghe 4	22	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB302	
697	HÀN	4210643	42106432C2P 2	Nghe 4	22	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB303	
698	HÀN	4210643	42106432C2P 3	Nghe 4	22	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HB201	
699	HÀN	4210643	42106432C2P 4	Nghe 4	22	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD201	
700	HÀN	4210643	42106432C2P 5	Nghe 4	23	13/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD202	
701	HÀN	4211723	42117232C3P 1	Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1	26	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	
702	HÀN	4211723	42117232C3P 2	Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1	26	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
703	HÀN	4211723	42117232C3P 3	Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1	26	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
704	HÀN	4211723	42117232C3P 4	Thực hành dịch viết Việt - Hàn 1	28	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	
705	HÀN	4212503	42125032C3P 1	Tiếng Hàn đọc – viết 4 Hệ CLC	1	13/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	ghép phòng
706	HÀN	4211713	42117132C4P 1	Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
707	HÀN	4211713	42117132C4P 2	Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
708	HÀN	4211713	42117132C4P 3	Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1	27	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
709	HÀN	4211713	42117132C4P 4	Thực hành dịch viết Hàn - Việt 1	26	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD302	
710	HÀN	4212483	42124832C4P 1	Tiếng Hàn đọc – viết 3 Lớp BS Hệ CLC	2	13/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	ghép phòng
711	HÀN	4210653	42106532C1P 1	Nói 4	32	15/05/2025	1C1	7 giờ 30	HD301	S1.8 phòng học ngữ
712	HÀN	4210653	42106532C2P 1	Nói 4	28	15/05/2025	1C1	9 giờ 30	HD302	S1.8 phòng học ngữ
713	HÀN	4210653	42106532C2P 2	Nói 4	28	15/05/2025	1C1	9 giờ 30	HD302	S1.8 phòng học ngữ
714	HÀN	4210653	42106532C2P 3	Nói 4	17	15/05/2025	1C1	9 giờ 30	HD301	S2.8 phòng học ngữ

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
715	HÀN	4210763	42107632C3P 1	Từ vựng học tiếng Hàn	22	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
716	HÀN	4210763	42107632C3P 2	Từ vựng học tiếng Hàn	22	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	
717	HÀN	4210763	42107632C3P 3	Từ vựng học tiếng Hàn	22	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
718	HÀN	4210763	42107632C3P 4	Từ vựng học tiếng Hàn	22	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
719	HÀN	4210763	42107632C3P 5	Từ vựng học tiếng Hàn	20	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
720	HÀN	4212603	42126032C3P 1	Từ vựng học tiếng Hàn-HCLC	28	15/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD501	
721	HÀN	4211743	42117432C4P 1	Văn hóa văn minh Hàn Quốc	22	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
722	HÀN	4211743	42117432C4P 2	Văn hóa văn minh Hàn Quốc	22	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA302	
723	HÀN	4211743	42117432C4P 3	Văn hóa văn minh Hàn Quốc	22	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HB302	
724	HÀN	4211743	42117432C4P 4	Văn hóa văn minh Hàn Quốc	22	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA102	
725	HÀN	4211743	42117432C4P 5	Văn hóa văn minh Hàn Quốc	20	15/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA101	
726	HÀN	4210932	42109322C1P 8	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	25	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HA302	
727	HÀN	4210932	42109322C1P 4	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD302	
728	HÀN	4210932	42109322C1P 7	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB302	
729	HÀN	4210932	42109322C1P 1	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD201	
730	HÀN	4210932	42109322C1P 2	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD202	
731	HÀN	4210932	42109322C1P 6	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD402	
732	HÀN	4210932	42109322C1P 3	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD301	
733	HÀN	4210932	42109322C1P 5	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc)	23	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HD401	
734	HÀN	4211922	42119222C1P 1	Ngoại ngữ II.2 (Hàn Quốc) Lớp BS Hệ CLC	8	17/05/2025	2C1	7 giờ 30	HB303	
735	HÀN	4210673	42106732C2P 1	Viết 4	28	17/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC501	
736	HÀN	4210673	42106732C2P 2	Viết 4	28	17/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC504	
737	HÀN	4210673	42106732C2P 3	Viết 4	28	17/05/2025	2C2	9 giờ 30	HD501	
738	HÀN	4210673	42106732C2P 4	Viết 4	30	17/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	
739	HÀN	4210823	42108232C2P 1	Viết 4 ghép (421067324202302)	1	17/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC201	ghép phòng
740	HÀN	4214560	42145601C2P 1	Phiên dịch 3(chủ đề kinh tế, thương mại, mẫu dịch)-HCLC	28	19/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB303	nói
741	HÀN	4212493	42124932C1P 1	Tiếng Hàn nghe – nói 4 Hệ CLC	1	19/05/2025	2C1	7 giờ 30	HC304	
742	HÀN	4214500	42145002C2P 1	Phiên dịch 1(Du Lịch, khách sạn, tổ chức sự kiện) Hệ CLC	1	19/05/2025	2C2	9 giờ 30	HC304	
743	HÀN	4210893	42108932C3P 1	Hán tự	23	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB302	
744	HÀN	4210893	42108932C3P 2	Hán tự	23	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
745	HÀN	4210893	42108932C3P 3	Hán tự	22	20/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD401	
746	HÀN	4210753	42107532C4P 1	Lý thuyết dịch	27	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC201	
747	HÀN	4210753	42107532C4P 2	Lý thuyết dịch	27	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
748	HÀN	4210753	42107532C4P 3	Lý thuyết dịch	27	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC504	
749	HÀN	4210753	42107532C4P 4	Lý thuyết dịch	27	20/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD501	
750	HÀN	4210833	42108332C3P 1	Tiếng Hàn du lịch	29	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC504	
751	HÀN	4210833	42108332C3P 2	Tiếng Hàn du lịch	29	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC201	
752	HÀN	4210833	42108332C3P 3	Tiếng Hàn du lịch	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA302	
753	HÀN	4214810	42148102C3P 1	Tiếng Hàn nâng cao 2 Hệ CLC	1	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	ghép phòng
754	HÀN	4214820	42148202C3P 1	Tiếng Hàn nâng cao 3 HCLC	28	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HC501	
755	HÀN	4214510	42145102C4P 1	Biên dịch 1 (Du Lịch, khách sạn, tổ chức sự kiện) Hệ CLC	1	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	ghép phòng
756	HÀN	4214570	42145702C4P 1	Biên dịch 3(chủ đề kinh tế, thương mại, mẫu dịch)-HCLC	28	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HC501	
757	HÀN	4210873	42108731C1P 1	Thực hành dịch nói 2	27	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C1
758	HÀN	4210873	42108731C1P 2	Thực hành dịch nói 2	27	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC502	2C2
759	HÀN	4210873	42108731C1P 3	Thực hành dịch nói 2	27	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C3

TT	Khoa	Mã HP	Mã ca thi	Tên học phần	SLSV	Ngày thi	Xuất thi	Giờ thi	Phòng	Ghi chú
760	HÀN	4210873	42108731C1P 4	Thực hành dịch nói 2	27	23/05/2025	1C1	7 giờ 30	HC503	2C4
761	HÀN	4213040	42130402C3P 1	Trích giảng văn học Hàn Quốc CLC	29	23/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB303	
762	THÁI	4221133	42211332C3P 1	Ngôn ngữ đối chiếu	26	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD201	
763	THÁI	4220943	42209432C3P 1	Viết 4	29	12/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD202	
764	THÁI	4221243	42212432C4P 1	Ngữ âm học tiếng Thái	26	12/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD202	
765	THÁI	4222973	42229731C2P 1	Nghe - Nói 4	29	14/05/2025	1C2	13 giờ 30	HD302	
766	THÁI	4221313	42213132C3P 1	Từ pháp (Ngữ pháp 1)	26	14/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
767	THÁI	4221893	42218932C4P 1	Tiếng Thái báo chí	25	14/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA301	
768	THÁI	4221363	42213632C3P 1	Văn học hiện đại Thái Lan	25	16/05/2025	2C3	13 giờ 30	HA503	
769	THÁI	4221883	42218832C4P 1	Văn hóa văn minh Thái Lan	26	16/05/2025	2C4	15 giờ 30	HA303	
770	THÁI	4221953	42219531C2P 1	Dịch nói 2	26	19/05/2025	1C2	13 giờ 30	HB503	nói
771	THÁI	4221183	42211832C3P 1	Lý thuyết dịch	29	19/05/2025	2C3	13 giờ 30	HB201	
772	THÁI	4221833	42218332C3P 1	Độc 4	29	21/05/2025	2C3	13 giờ 30	HD402	
773	THÁI	4221963	42219632C4P 1	Dịch viết 2	26	21/05/2025	2C4	15 giờ 30	HD402	

Ký hiệu & giờ thi các ca: 2C1: 7h30-9h20; 2C2: 9h30-11h30; 2C3: 13h30-15h20; 2C4: 15h30-17h30; 1C1: 7h30-11h30; 1C2: 13h30-17h30

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLGD



★ TS. Phạm Thị Tố Như